TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/DS-PT
Ngày 14/03/2024
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm

Ông Cao Xuân Long

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2023/TLPT–DS ngày 2 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp Quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 207/2023/QĐPT-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 126/2023/QĐPT-DS ngày 15/11/2023; Quyết định tạm đình chỉ số 17/2023/QĐPT-DS ngày 15/12/2013; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 07/2024/QĐPT-DS ngày 19/2/2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 21/2024/QĐPT-DS ngày 21/02/2024; Giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:*Ông Nguyễn Sơn H, sinh năm 1973 và Bà Nguyễn Thị Thị Song P, sinh năm 1975; Địa chỉ: 11Ô1 tổ 17 khu phố Phước Thới, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

*2.Bị đơn:*Ông Võ Văn L, sinh năm 1983 và Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1986; Địa chỉ: 898 tổ 17 khu phố Phước Thới, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

3- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Hoài N, sinh 2004 và bà Võ Anh T, sinh 2007; Địa chỉ: tổ 17 kp Phước Thới, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

.

+Người đại diện hợp pháp của ông Nam, bà Thi: ông Võ Văn L, sinh năm 1983 và bà Trần Thị Ngọc C, sinh 1986; Địa chỉ: 898 tổ 17 khu phố Phước Thới, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Võ Văn L và Bà Trần Thị Ngọc C.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông* Nguyễn Sơn H và Bà Nguyễn Thị Thị Song P *trình bày:*

Ông Hùng bà Phương là vợ chồng, ông Hùng bà Phương được quyền sử dụng diện tích đất 963,8m2 thuộc thửa 766 tờ bản đồ 50 thị trấn Đất Đỏ theo giấy CN QSD đất số DC 642066 ngày 24/6/2021 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh BRVT cấp. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của người khác vào năm 2012 và sử dụng cho đến nay. Trong quá trình sử dụng ông Hùng bà Phương không biết phần đất mà mình sử dụng ít hơn phần đất nhận chuyển nhượng.

Đến năm 2022 ông Hùng bà Phương phát hiện vợ chồng ông Lợi bà Chi là người có đất giáp ranh chiếm dụng diện tích khoảng 50m^2 để làm lối đi ra đường công cộng cho gần trong khi họ đã có lối đi khác để sử dụng. Ông Hùng bà Phương nhiều lần gặp ông Lợi bà Chi yêu cầu giao trả lại lối đi là diện tích đất trên nhưng không được đồng ý nên ông Hùng bà Chi khởi kiện.

Qua sơ đồ vị trí đất thực tế do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ cung cấp, ông Hùng bà Phương xác định diện tích đất bị ông Lợi bà Chi lấn chiếm là 220,2m^2, nên ngày 21/4/2023 ông Hùng bà Phương có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông Hùng bà Phương yêu cầu ông Lợi bà Chi giao trả diện tích 220,2m^2 thuộc thửa 766 tờ bản đồ 50 thị trấn Đất Đỏ.

** Tại các bản khai bị đơn ông Võ Văn L và bà Trần Thị Ngọc C trình bày:* bà Chi ông Lợi là vợ chồng, nguồn gốc đất vợ chồng bà Chi ông Lợi đang sử là của ông bà ngoại để lại cho mẹ bà Chi và mẹ bà Chi cho vợ chồng bà Chi năm 2005 đã được cấp sổ đỏ và sử dụng cho đến nay. Diện tích đất tranh chấp vợ chồng bà Chi đang sử dụng làm lối đi vào nhà đã có từ thời ông ngoại bà Chi rồi đến nay là vợ chồng bà Chi ông Lợi sử dụng, trước giờ không có ai thắc mắc ý kiến gì. Việc ông Hùng bà Phương cho rằng lối đi này của gia đình ông Hùng là không đúng vì ông Hùng mua lại đất của người khác khi về đã thấy lối đi này. Nay ông Hùng bà Phương yêu cầu ông Lợi bà Chi trả lại lối đi này là không đúng.

**/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Võ Hoài N và chị Võ Anh T:* anh Nam và chi Thi là con của ông ông Lợi bà Chi, không liên quan gì đến đất tranh chấp trong vụ án, xin được vắng mặt.

**/Tại bản án dân sự sơ thẩm số* 19/2023/DS-ST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ; Đã áp dụng các quy định của pháp luật. Tuyên xử:

+Ông Võ Văn L bà Trần Thị Ngọc C có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Sơn H bà Nguyễn Thị Thị Song P diện tích đất 220,2m2 thuộc một phần thửa 766 tờ bản đồ số 50 thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ và xác định tọa độ được giới hạn như

sau: 17, B, A, 2, 1, 17 (Kèm theo sơ đồ vị trí đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ lập bổ sung ngày 15/6/2023).

+Ông Võ Văn L bà Trần Thị Ngọc C có trách nhiệm tháo dỡ 01 hàng rào trụ sắt kéo lưới B40 dài 24m, có chiều cao từ 01m đến 1,5m nằm trên phần đất tranh chấp. Trường hợp không tự tháo dỡ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tháo dỡ và chi phí cho việc tháo dỡ phải do ông Lợi bà Chi chịu.

+Ông Nguyễn Sơn H bà Nguyễn Thị Thị Song P được quyền sở hữu 01 cây xoài, 02 cây nhãn, 01 cây mít, 01 cây bông sứ, 01 cây sung hiện có trên phần đất tranh chấp.

+Ông Nguyễn Sơn H bà Nguyễn Thị Thị Song P có trách nhiệm giao trả cho ông Lợi bà Chi số tiền 1.720.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

+Ngày 28/6/2023 Bị đơn bà Chi ông Lợi kháng cáo, với nội dung: Đề nghị xét xử lại vụ án; Sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện.

+Ngày 27/6/2023 Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ kháng nghị, với nội dung: Sửa án sơ thẩm, buộc ông Lợi bà Ngọc phải chi trả án phí dân sự sơ thẩm không có giá gạch 300.000 đồng.

**/Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp thêm chứng cứ mới.

**/Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét xử công khai tại phiên tòa nhận thấy: Diện tích đất tranh chấp ở thửa 766/1 và 766/2 đã cấp trong giấy chứng nhận QSD đất cho nguyên đơn là của nguyên đơn, nên không chấp nhận kháng cáo. Trong vụ án này tranh chấp QSD đất thì án phí không có giá ngạch 300.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án phí có giá gạch 20.800.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật, nên chấp nhận kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Không chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị; Sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lợi bà Chi và quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2.]Xét về nội dung kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Chi ông Lợi kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án: Sửa án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Hùng bà Phương; Xét thấy:

Diện tích đất tranh chấp do các đương sự chỉ ranh đo thực tế là 46,8m^2 trong đó có: Diện tích 32m^2 ở thửa 766 và Diện tích 14,8m^2 ở thửa 598 tờ bản đồ 50 tọa lại tại thị trấn đất đỏ, huyện Đất Đỏ. Theo sơ đồ vị trí đất tranh chấp do trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường lập ngày 6/12/2023.

Diện tích đất 32m^2 ở thửa 766 đã được cấp trong giấy chứng nhận QSD đất (sổ đỏ) số DC 642066 cấp ngày 24/6/2021 cho ông Hùng, bà Phương; Diện tích đất 14,8 m^2 ở thửa 598 là đường giao thông công cộng.

Khu đất của nguyên đơn ông Hùng bà Phương đang ở và Khu Đất của bị đơn ông Lợi bà Chi đang ở giáp nhau, có hàng ranh bằng cây dúi, cọc bê tông giây kẽm gai xen lẫn hàng rào cây dúi (nguyên đơn thừa nhận khi mua đất về ở đã có hàng ranh này, cột xi măngg do chủ cũ bán đất cho nguyên đơn trồng).

Đất của nguyên đơn và bị đơn có nguồn gốc như sau:

+Đất của nguyên đơn ông Hùng bà Phương đang sử dụng mua năm 2011 của ông Nam, bà Phượng, có ranh giới là hàng cây dúi xen lẫn cột bê tông, giây kèm gai rõ ràng, khi mua đã nhận đất và xây nhà về ở không thắc mắc khiếu nại gì. Năm 2012 được cấp sổ đỏ, đến năm 2021 cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất số DC 642066 ngày 24/6/2021, thửa cũ 33 (mới 766) tờ bản đồ 50, thì nguyên đơn cho rằng: phát hiện bị đơn lấn chiếm khoảng 50m^2 làm lối đi, yêu cầu bị đơn trả lại nhưng không trả, nên mới khởi kiện (Lúc đầu đơn khởi kiện lối đi 50m^2, sau khi đo vẽ lồng ghép sơ đồ thì thay đổi bổ sung đơn khởi kiện là 220,2m^2).

+Đất của bị đơn ông Lợi bà Chi do ông bà ngoại sử dụng trước giải phóng để lại cho mẹ bà Chi là bà Ân, bà Ân để lại cho vợ chồng bà Chi ông Lợi sử dụng từ năm 2005, đến năm 2007, 2008 thì được cấp giấy (Sổ đỏ) vào sổ số H 00430 ngày 2/11/2007; số H 00429 ngày 2/11/2007 và số H 001412 ngày 2/8/2008; Diện tích cấp 3253m^2 thửa cũ 16, 22, 163 (mới 594, 635, 16) tờ bản đồ 50.

+Việc cấp giấy chứng nhận QSD đất (sổ đỏ) cho cả 2 bên không đo đất thực tế sử dụng mà cấp theo trích thửa trên sơ đồ vị trí, nên không chính xác và không đúng với diện tích đất thực tế hiện tại mà các bên đang sử dụng, có hàng ranh rõ ràng mà các bên thừa nhận.

+Qua đo vẽ, thẩm định tại chỗ do 2 bên chỉ ranh và tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn và Bị đơn thừa nhận: Đất của hai gia đình thực tế sử dụng ngăn cách ranh giới là hàng rào bằng hàng cây dúi, xen lẫn câu dúi là cọc bê tông giây kẽm gai đã có từ lâu khi chủ cũ bán đất cho nguyên đơn về xây nhà ở đã có.

+Tại biên bản hòa giải cơ sở thể hiện: Đất tranh chấp khoảng 50m^2 là lối đi đã có từ trước, năm 2011 nguyên đơn mua đất đã thấy? Phần đất này không có ranh giới, bị đơn đã lấn chiếm làm lối đi vào nhà. Căn cứ Điều 175 Bộ Luật Dân sự về ranh giới giữa các bất động sản liền kề quy định: "Việc xác định ranh giới sẽ dựa trên thỏa thuận…." Sau khi hai bên thống nhất chỉ ranh giới sử dụng đất, đo đạc thực tế thì xác định được: Diện tích đất tranh chấp đo thực tế là 46,8m^2 trong đó có: Diện tích 32m^2

ở thửa 766 và Diện tích 14,8m^2 ở thửa 598 theo sơ đồ vị trí đất tranh chấp do trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường lập ngày 6/12/2023.

Diện tích đất 32m^2 ở thửa 766 (là lối đi vào nhà bị đơn ông Lợi bà Chi) đã được cấp trong giấy chứng nhận QSD đất (sổ đỏ) số DC 642066 cấp ngày 24/6/2021 cho nguyên đơn ông Hùng, bà Phương; Diện tích đất còn lại 14,8 m^2 ở thửa 598 là đường giao thông công cộng. Do đó Diện tích đất 32m^2 ở thửa 766 làm lối đi là đất của nguyên đơn ông Hùng, bà Phương (Diện tích đất này công nhận là QSD đất của nguyên đơn không ảnh hưởng đến lối đi vào nhà đất của bị đơn ông Lợi bà Chi vì ông Lợi bà Chi còn phần diện tích đất khác giáp với đường giao thông để làm lối đi riêng). Còn Diện tích 14,8m^2 ở thửa 598 là đường giao thông công cộng. Về tài sản trên đất tranh chấp 32m^2 qua thẩm định tại chỗ không có tài sản và cây cối gì.

Tòa án cấp sơ thẩm cho lồng ghép sơ đồ trên giấy để chấp nhận cho nguyên đơn được quyền sử dụng diện tích đất 220,2m^2 là không đúng với đất 2 bên sử dụng thực tế có ranh giới rõ ràng mà 2 bên thừa nhận, theo pháp luật quy định tại Điều 175 Bộ Luật Dân sự là quyết định không đúng với thực tế đất mà các bên sử dụng và không phù hợp với quy định của pháp luật; Nên chấp nhận một phần kháng cáo, sửa án sơ thẩm về phần diện tích đất đã công nhận cho nguyên đơn.

[2.2] Về nội dung kháng nghị:

Căn cứ quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí tòa án. Tranh chấp về quyền sử dụng đất thì án phí dân sự sơ thẩm không có giá gạch là 300.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án phí có giá gạch là 20.800.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật; Nên chấp nhận kháng nghị.

[3] Về chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Chi phí ở Tòa án cấp sơ thẩm hết số tiền là 5.668.085đồng ông Hùng tự chịu và đã nộp đủ. Chi phí ở Tòa án cấp phúc thẩm hết số tiền là 13.816.000 đồng; Mỗi bên chịu ½ là 6.908.000 đồng, đã nộp đủ. (Ông Hùng, bà Phương đã ứng ra nộp trước thêm cho ông Lợi bà Chi 1.908.000 đồng, nên ông Lợi bà Chi phải trả lại)

[4] Về án phí dân sự sơ phúc thẩm: Căn cứ Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông lợi bà Chi phải nộp tiền án phí 300.000 đồng. Ông Hùng bà Phương được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng.

+Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Lợi bà Chi không phải chịu và được hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Chấp nhận một phần kháng cáo; Chấp nhận kháng nghị; Sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lợi bà Chi; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Đất Đỏ. Sửa

bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, như sau:

Áp dụng: Điều 166, 203 Luật đất đai 2013; Điều 164, 175 Bộ luật dân sự; Điều 26, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26,27,29 Nghị quyết 326/UBTVQH về án phí, lệ phí tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sơn H và bà Nguyễn Thị Thị Song P.

+ Ông Nguyễn Sơn H và bà Nguyễn Thị Thị Song P được quyền sử dụng đất diện tích 32m^2 ở thửa 766; Diện tích đất 32m^{2}có các điểm tọa độ 35, 36, 33, 34, 35 theo sơ đồ vị trí đất tranh chấp lập ngày 6/12/2023 (có sơ đồ kèm theo)

+Ông Nguyễn Sơn H và bà Nguyễn Thị Thị Song P có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại diện tích đất cho đúng với diện tích đất thực tế đang sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá:

+Ông Võ Văn L, Bà Trần Thị Ngọc C có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Sơn H, bà Nguyễn Thị Thị Song P Hùng số tiền 1.908.000 đồng (một triệu, chín trăm lẻ tám ngàn đồng).

3.Về án phí dân sự sơ phúc thẩm:

+Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Võ Văn L, Bà Trần Thị Ngọc C phải nộp tiền án phí 300.000 đồng. Nguyên đơn Ông Hùng bà Phương được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo biên lai số 0009937 ngày 06/10/2022 và số 0010247 ngày 27/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

+Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lợi bà Chi được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0010371 ngày 29/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 14/03/2024.

(kèm theo bản án là sơ đồ vị trí đất tranh chấp lập ngày 6/12/2023)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND h.Đất Đỏ;
- Chi cục THADh. Đất Đỏ.
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Cao Xuân Long **Trương Văn Tâm** **Trịnh Hoàng Anh**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ;
- Xã Lộc Sơn, Hậu Lộc, Thanh Hóa
- Ông Thảo, bà Năm.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Hoàng Anh